TOPIC: CITY & COUNTRYSIDE

TOPIC 1: RURAL DEPOPULATION

These days, it seems that an increasing number of people are leaving rural areas to live in the city.

Discuss some of the effects of the migration from the countryside to the city and suggest some ways on which this trend could be reversed.

Question type: Effects and Solutions

→ Answer: BD1 is about effects and BD2 is about solutions

Paraphrase key words and phrases:

+ leave rural areas to live in the city ~ rural depopulation ~ the migration from rural to urban areas ~ the mass exodus from the countryside to cities ~ rural-urban migration/ relocation ~ the mass movement to cities
+ an increasing number of people ~ a massive number of rural dwellers ~ the trend becomes more prevalent/ popular

Brainstorming

BD1: Effects

+ Overcrowding in big cities → many other consequences: air, water, noise pollution/ contamination, traffic congestion/ jams at rush/ peak hours, ….

  Eg: Beijing
+ in the countryside, the shortage/ dearth/ lack of young and dynamic workforce, only elderly people and children are left → imply a decrease in employment in agriculture

BD2: Solutions = Minimise the causes of migration and offer alternatives in rural areas

+ in search of work, or study in prestigious universities → the relocation to rural areas
+ facilitate rural mobility (work, study in the cities but still stay in country)

ANH NGỮ PTT QUY NHƠN
0348600999

LIVEWORKSHEETS

Sample:

ANH NGỮ PTT QUY NHƠN
0348600999

LIVEWORKSHEETS

Vocabulary:

- rural dweller (noun): người sống ở vùng nông thôn
- rural depopulation (noun): giảm dân số ở nông thôn
- exert several adverse impacts on SO/ ST (verb): dẫn tới một số ảnh hưởng tiêu cực …
- reverse (verb): đổi chiều
- mass exodus (from …) (to ..) (noun): việc nhiều người di chuyển từ nơi này đến nơi kia tại cùng một thời điểm
- imply ST (verb): đồng nghĩa với việc
- deleterious effects on ST/SO (noun): ảnh hưởng xấu lên ai đó/ việc gì đó
- metropolitan areas (noun): những khu vực trung tâm
- inevitable (adj): không thể tránh khỏi
- contamination (noun): sự ô nhiễm
- slum (noun): khu ổ chuột, khu nhà thấp cấp
- dearth (noun): sự thiếu hụt
- dynamic workforce (noun): lực lượng lao động năng động
- food provision (noun): việc cung cấp thực phẩm
- deter (SO) from doing ST (verb): ngăn cản điều gì
- be of paramount importance (prep phrase): đóng vai trò quan trọng
- in search of ST: tìm kiếm cái gì
- prestigious (adj): uy tín
- faciliate SO to do ST/ faciliate ST (verb): giúp ai, cái gì xảy ra dễ dàng hơn
- rural mobility (noun): việc di chuyển ở thành phố
- repercussion (noun): tác hại, ảnh hưởng tiêu cực
- severe ~ serious (adj): có hại
- mitigate ST (verb): làm cái gì bớt nghiêm trọng
- halt ~ stop (verb): dừng lại ngăn chặn sự di chuyển này.\

ANH NGỮ PTT QUY NHƠN
0348600999

LIVEWORKSHEETS